TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2018
V/v ly hôn giữa anh T và chị H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hạnh

Ông Lê Văn Viện

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn T, sinh năm 1981

Cư trú tại: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt);

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985

Cư trú tại: Thôn Y, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn Lê Tuấn T trình bày: Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2006 khi sinh con được 02 ngày tuổi thì chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, để con lại cho

anh chăm sóc nuôi dưỡng, anh có tìm nhưng chị H không về. Cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê An C, sinh ngày 06/01/2006 từ nhỏ đến nay cháu sinh sống cùng anh. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị H không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bầy và đề nghị trước đây

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn (anh T) đã thực hiện đúng; về phía bị đơn (chị H) đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa 02 lần hợp lệ, nhưng chị H không chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng. Việc Tòa án quyết định xét xử vắng mặt chị H là có căn cứ.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho anh Lê Tuấn T ly hôn với chị Lê Thị H. Giao cháu Lê An C cho anh Lê Tuấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở để giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh T, nhưng không đến, cố tình từ chối khai báo. Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cân công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho ông Lê Văn S là bố đẻ của chị H giao cho chị H theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có căn cứ xác định chị H đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của anh T, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tuấn T và chị Lê Thị H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2006 chị H tự ý bỏ đi không rõ nguyên nhân, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng chị H không trả lời, chứng tỏ chị H cũng đã có ý thức bỏ mặc, không muốn hợp tác để Tòa án hòa giải níu kéo tình cảm gia đình với anh T. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh T và chị H không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T xin ly hôn với chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Lê An C, sinh ngày 06/01/2006. Khi sinh con được 02 ngày tuổi chị H tự ý bỏ đi để con lại cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng chị H không có quan tâm trách nhiệm gì đối với con. Xét điều kiện và tình hình thực tế đảm bảo về quyền lợi cũng như nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Sự tự nguyện của anh Lê Tuấn T, sau khi ly hôn anh xin được tiếp tục và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là phù hợp quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên cần chấp nhận

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Lê Tuấn T và chị Lê Thị H

2. Về con chung: Giao cháu Lê An C, sinh ngày 06/01/2006 cho anh Lê Tuấn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Anh Lê Tuấn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo Biên lai số 0001989 ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực (anh T đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Anh Lê Tuấn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.